

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch	
Ông Vũ Đình Đông	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 20/01/2020
Bà Phan Đỗ Hạnh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Phạm Duy Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Trịnh Hữu Minh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Nguyễn Quý	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 31/07/2019
Ông Trịnh Hữu Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/07/2019
Ông Nguyễn Thanh Vũ	Giám đốc Sản xuất	Bỏ nhiệm ngày 07/10/2019
Ông Nguyễn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Đình Thái	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 25/05/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/05/2019
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/05/2019
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/05/2019
Ông Nguyễn Ánh Luyện	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Số: 300320.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 19/03/2019.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		231.683.731.385	182.955.207.372
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	44.691.062.213	15.408.400.674
111	1. Tiền		44.691.062.213	15.408.400.674
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	43.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		43.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.883.513.594	63.002.782.718
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	62.675.452.154	62.789.545.924
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.547.097.997	750.023.888
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	558.249.235	450.556.849
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(987.343.943)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		102.714.208	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	77.857.598.249	103.343.645.874
141	1. Hàng tồn kho		78.021.364.932	103.343.645.874
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(163.766.683)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.251.557.329	1.200.378.106
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.251.557.329	892.351.530
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	306.580.445
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	1.446.131
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		68.225.721.588	82.236.367.228
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15.250.000	10.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	15.250.000	10.000.000
220	II. Tài sản cố định		64.519.256.799	78.521.542.728
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	64.519.256.799	78.521.542.728
222	- Nguyên giá		348.195.694.789	345.916.209.476
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(283.676.437.990)	(267.394.666.748)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.526.651.400	1.486.651.800
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.972.000.000	1.972.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(445.348.600)	(485.348.200)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.164.563.389	2.218.172.700
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.164.563.389	2.218.172.700
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		299.909.452.973	265.191.574.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		104.667.008.132	56.699.960.604
310	I. Nợ ngắn hạn		104.667.008.132	56.699.960.604
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	18.313.708.750	12.453.577.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	40.792.675	4.072.200
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.833.200.208	4.454.615.793
314	4. Phải trả người lao động		5.699.318.186	4.831.611.958
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.002.599.826	1.108.597.440
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	23.617.370.919	8.366.090.134
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	51.383.673.504	24.120.446.701
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.776.344.064	1.360.949.378
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		195.242.444.841	208.491.613.996
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	195.242.444.841	208.491.613.996
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.713.370.000	150.713.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.713.370.000	150.713.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.557.011.449	15.557.011.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.301.633.961	28.118.361.788
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		987.553.431	14.419.994.759
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		400	400
421b	LNST chưa phân phối năm nay		987.553.031	14.419.994.359
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		299.909.452.973	265.191.574.600



Võ Ngọc Huỳnh Thu
Người lập



Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng




Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	271.822.723.244	345.547.117.558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	568.400.660	94.858.563
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		271.254.322.584	345.452.258.995
11	4. Giá vốn hàng bán	21	243.294.159.163	281.356.545.492
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.960.163.421	64.095.713.503
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	397.786.979	178.843.055
22	7. Chi phí tài chính	23	1.183.630.291	2.620.491.268
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.203.642.044	2.018.185.475
25	8. Chi phí bán hàng	24	13.375.947.820	14.220.744.792
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22.620.786.255	19.661.859.303
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.822.413.966)	27.771.461.195
31	11. Thu nhập khác	26	11.390.099.820	202.254.730
32	12. Chi phí khác	27	1.295.100.284	324.556.954
40	13. Lợi nhuận khác		10.094.999.536	(122.302.224)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.272.585.570	27.649.158.971
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	285.032.539	5.702.857.112
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>987.553.031</u>	<u>21.946.301.859</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	66	1.312



Võ Ngọc Huỳnh Thu
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.272.585.570	27.649.158.971
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.281.771.242	20.933.682.376
03	- Các khoản dự phòng		(863.576.860)	421.194.756
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.977.400)	(25.402.461)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(355.978.027)	(306.361.900)
06	- Chi phí lãi vay		1.203.642.044	2.018.185.475
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.534.466.569	50.690.457.217
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(292.891.849)	11.448.588.617
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		25.322.280.942	17.985.150.021
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.081.587.911	(20.305.054.890)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(305.596.488)	(114.640.041)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.146.204.951)	(2.065.837.113)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.060.886.328)	(4.802.297.657)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.779.235.500)	(2.686.159.153)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		46.353.520.306	50.150.207.001
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.381.947.005)	(3.599.360.135)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	170.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		58.101.315	136.361.900
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(44.323.845.690)	(3.292.998.235)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		87.792.332.111	133.550.889.364
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(60.529.105.308)	(153.566.941.239)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(9.323.146.560)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.126.400)	(18.057.581.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		27.253.100.403	(47.396.779.435)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2019**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		29.282.775.019	(539.570.669)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.408.400.674	15.948.308.376
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(113.480)	(337.033)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>44.691.062.213</u>	<u>15.408.400.674</u>






Võ Ngọc Huỳnh Thu
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.713.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 150.713.370.000 đồng; tương đương 15.178.180 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tình hình chung của ngành chế biến thực phẩm Việt Nam gặp khó khăn do sự cạnh tranh của các nhà sản xuất Thái Lan thâm nhập thị trường Việt Nam, kéo theo sự suy giảm của các ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành thực phẩm. Bên cạnh đó Công ty gặp cạnh tranh ngày càng mạnh từ các nhà cung cấp sản phẩm vỏ lon, hộp, bao bì kim loại khiến Công ty bị mất thị phần ngành đóng hộp. Các nguyên nhân trên khiến doanh thu của Công ty bị suy giảm đột ngột tới 21,34% và khiến kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty bị suy giảm mạnh. Ban Tổng giám đốc Công ty đang tìm các phương án để mời gọi thuyết phục khách hàng, mở rộng thị trường và phục hồi sản xuất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 28 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 22 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	211.942.631	143.517.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.479.119.582	15.264.883.131
	44.691.062.213	15.408.400.674

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	43.000.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	-	-	-
	<u>43.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2019, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng có giá trị 43.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6,4%/năm đến 7,9%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.972.000.000	1.526.651.400	(445.348.600)	1.972.000.000	1.486.651.800	(485.348.200)
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả (VGP)	1.972.000.000	1.526.651.400	(445.348.600)	1.972.000.000	1.486.651.800	(485.348.200)
	<u>1.972.000.000</u>	<u>1.526.651.400</u>	<u>(445.348.600)</u>	<u>1.972.000.000</u>	<u>1.486.651.800</u>	<u>(485.348.200)</u>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch HNX tại ngày 31/12/2019.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả (VGP)	Tp. Hồ Chí Minh	0,81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cảng, kho bãi

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Quốc tế Bảo Hưng	7.056.275.380	-	8.476.783.920	-
- Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ	4.554.358.411	-	7.024.057.832	(330.870.543)
- Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	14.222.232.860	-	6.663.691.100	-
- Đối tượng khác	36.842.585.503	-	40.625.013.072	(656.473.400)
	62.675.452.154	-	62.789.545.924	(987.343.943)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
-Trịnh Xuân Luyến	500.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Hoàng Kim Long	403.845.000	-	-	-
- Văn phòng Luật sư Tâm Trí	420.368.177	-	-	-
- Đối tượng khác	222.884.820	-	750.023.888	-
	1.547.097.997	-	750.023.888	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	297.876.712	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	144.490.978	-	148.614.504	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	28.840.397	-	28.424.907	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	18.361.148	-	18.517.438	-
Tạm ứng	68.680.000	-	255.000.000	-
	558.249.235	-	450.556.849	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	15.250.000	-	10.000.000	-
	15.250.000	-	10.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	677.643.656	-	7.800.406.956	-
Nguyên liệu, vật liệu	53.227.467.762	-	74.179.857.866	-
Công cụ, dụng cụ	470.247.161	-	94.049.121	-
Thành phẩm	14.584.184.268	-	13.257.647.225	-
Hàng hoá	9.061.822.085	(163.766.683)	8.011.684.706	-
	78.021.364.932	(163.766.683)	103.343.645.874	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.261.980.186	328.245.382.875	6.373.714.427	767.700.245	267.431.743	345.916.209.476
- Mua trong năm	-	2.279.485.313	-	-	-	2.279.485.313
Số dư cuối năm	10.261.980.186	330.524.868.188	6.373.714.427	767.700.245	267.431.743	348.195.694.789
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.389.596.650	253.553.294.554	3.715.632.005	468.711.796	267.431.743	267.394.666.748
- Khấu hao trong năm	189.185.936	15.509.549.735	513.793.002	69.242.569	-	16.281.771.242
Số dư cuối năm	9.578.782.586	269.062.844.289	4.229.425.007	537.954.365	267.431.743	283.676.437.990
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	872.383.536	74.692.088.321	2.658.082.422	298.988.449	-	78.521.542.728
Tại ngày cuối năm	683.197.600	61.462.023.899	2.144.289.420	229.745.880	-	64.519.256.799

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.385.755.022 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 186.556.784.628 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	513.570.142	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	49.481.816	189.204.449
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	636.075.763	599.669.983
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	52.429.608	103.477.098
	<u>1.251.557.329</u>	<u>892.351.530</u>
b) Dài hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	-	59.251.877
Chi phí công cụ dụng cụ	1.426.046.998	847.675.679
Chi phí trả trước dài hạn khác	738.516.391	1.311.245.144
	<u>2.164.563.389</u>	<u>2.218.172.700</u>

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Henkel Singapore Pte.	2.743.286.452	2.743.286.452	3.370.701.712	3.370.701.712
- Công ty Dong Won ENC Corporation	4.160.028.400	4.160.028.400	1.054.515.000	1.054.515.000
- Austin Multi-Trade	1.876.345.175	1.876.345.175	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	9.534.048.723	9.534.048.723	8.028.360.288	8.028.360.288
	<u>18.313.708.750</u>	<u>18.313.708.750</u>	<u>12.453.577.000</u>	<u>12.453.577.000</u>

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất -Thương mại - Dịch vụ Mina	31.685.775	-
Công ty TNHH MTV Sơn Hưng Gia	9.106.900	-
Người mua trả tiền trước khác	-	4.072.200
	<u>40.792.675</u>	<u>4.072.200</u>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.373.867.229	8.134.191.936	8.004.005.986	-	1.504.053.179
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	8.209.283.229	8.209.283.229	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.060.886.328	285.032.539	3.060.886.328	-	285.032.539
Thuế Thu nhập cá nhân	1.446.131	19.862.236	578.815.007	553.116.622	-	44.114.490
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	6.769.301.459	6.769.301.459	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.734.456	3.734.456	-	-
	1.446.131	4.454.615.793	23.980.358.626	26.600.328.080	-	1.833.200.208

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	57.437.093	-
- Chi phí hoa hồng bán hàng	930.370.733	1.040.415.622
- Trích trước chi phí vận chuyển	494.792.000	68.181.818
- Chi phí phải trả khác	520.000.000	-
	<u>2.002.599.826</u>	<u>1.108.597.440</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	260.646.145	-
- Kinh phí công đoàn	257.066.972	260.522.624
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	10.808.081.803	7.846.755.754
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.261.406.047	229.440.447
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.169.952	29.371.309
	<u>23.617.370.919</u>	<u>8.366.090.134</u>

(*) Khoản nhận ký quỹ đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng đối với các hợp đồng bán hàng.

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	24.120.446.701	24.120.446.701	87.792.332.111	60.529.105.308	51.383.673.504	51.383.673.504
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.120.446.701	24.120.446.701	87.792.332.111	60.529.105.308	51.383.673.504	51.383.673.504
	<u>24.120.446.701</u>	<u>24.120.446.701</u>	<u>87.792.332.111</u>	<u>60.529.105.308</u>	<u>51.383.673.504</u>	<u>51.383.673.504</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2019/94178/HĐTĐ ngày 07/06/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC;

+ Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

+ Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 51.383.673.504 đồng;

+ Khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng tài sản kèm theo các hợp đồng tài sản đảm bảo và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	27.722.665.432	13.632.527.256	207.308.450.137
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	21.946.301.859	21.946.301.859
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	395.696.356	(395.696.356)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(2.700.000.000)	(2.700.000.000)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2017	-	-	-	-	(10.536.830.500)	(10.536.830.500)
Tạm ứng cổ tức năm 2018 (*)	-	-	-	-	(7.526.307.500)	(7.526.307.500)
Số dư cuối năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.118.361.788	14.419.994.759	208.491.613.996
Số dư đầu năm nay	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.118.361.788	14.419.994.759	208.491.613.996
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	987.553.031	987.553.031
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	183.272.173	(2.377.902.359)	(2.194.630.186)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2018	-	-	-	-	(12.042.092.000)	(12.042.092.000)
Số dư cuối năm nay	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	987.553.431	195.242.444.841

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2018 ngày 24 tháng 04 năm 2018, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng 5% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2019 ngày 25 tháng 05 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	21.946.301.859
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0,84%	183.272.173
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	2.194.630.186
Chi trả cổ tức (8% vốn điều lệ)	54,87%	12.042.092.000
Chi trả cổ tức (5% vốn điều lệ) đã tạm ứng năm 2018	34,29%	7.526.307.500

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Trần Quang Huy	24,58%	37.044.460.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Đức Hiếu	18,49%	27.873.120.000	0,00%	-
Ông Phạm Bích Ngà	9,40%	14.170.000.000	9,40%	14.170.000.000
Các cổ đông khác	47,40%	71.438.570.000	90,47%	136.356.150.000
Cổ phiếu quỹ	0,13%	187.220.000	0,13%	187.220.000
	100%	150.713.370.000	100%	150.713.370.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.713.370.000	150.713.370.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>150.713.370.000</i>	<i>150.713.370.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>150.713.370.000</i>	<i>150.713.370.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>229.440.447</i>	<i>223.883.447</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>12.042.092.000</i>	<i>18.063.138.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>12.042.092.000</i>	<i>10.536.830.500</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	<i>7.526.307.500</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(10.126.400)</i>	<i>(18.057.581.000)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(10.126.400)</i>	<i>(10.535.991.500)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	<i>(7.521.589.500)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>12.261.406.047</i>	<i>229.440.447</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.071.337	15.071.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.071.337</i>	<i>15.071.337</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	18.722	18.722
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.722</i>	<i>18.722</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.052.615	15.052.615
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.052.615</i>	<i>15.052.615</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.301.633.961	28.118.361.788
	28.301.633.961	28.118.361.788

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m². Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.813,45	8.733,07
- Đồng Euro (EUR)	0,34	0,34
- Đồng đô la Úc (AUD)	412,31	412,31

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	223.874.352	-
Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura	330.870.543	-
Các đối tượng khác	82.355.452	-

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	234.537.137.113	288.484.090.954
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.285.586.131	57.063.026.604
	<u>271.822.723.244</u>	<u>345.547.117.558</u>

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	568.400.660	94.858.563
	<u>568.400.660</u>	<u>94.858.563</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	205.773.222.865	230.676.479.893
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.357.169.615	50.680.065.599
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	163.766.683	-
	<u>243.294.159.163</u>	<u>281.356.545.492</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	355.978.027	69.695.900
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	66.666.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	37.831.552	17.078.694
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.977.400	25.402.461
	<u>397.786.979</u>	<u>178.843.055</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.203.642.044	2.018.185.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.987.847	182.309.993
Dự phòng/ hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(39.999.600)	419.995.800
	1.183.630.291	2.620.491.268

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.834.735.673	7.763.281.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	296.135.330	296.135.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.822.663.351	2.587.111.600
Chi phí khác bằng tiền	3.422.413.466	3.574.215.983
	13.375.947.820	14.220.744.792

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	422.681.497	225.093.655
Chi phí nhân công	9.554.794.898	8.453.719.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	375.436.769	391.413.801
Thuế, phí, lệ phí	6.769.301.459	4.414.227.647
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(350.243.596)	1.198.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.047.946	1.172.755.594
Chi phí khác bằng tiền	5.146.767.282	5.003.449.962
	22.620.786.255	19.661.859.303

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	170.000.000
Tiền thu hồi một phần theo phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (*)	11.174.181.650	-
Thu nhập khác	215.918.170	32.254.730
	11.390.099.820	202.254.730

(*) Liên quan tới vụ kiện Công ty cho Công ty TNHH Dược phẩm 3A thuê kho hàng, nhà xưởng tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Đến hết thời hạn thuê, bên đi thuê vẫn chưa hoàn trả lại kho hàng, nhà xưởng và thanh toán tiền thuê. Công ty đã khởi kiện bên đi thuê tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú. Thông tin chi tiết về vụ kiện tại thuyết minh 32 - Thông tin khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	152.305.439	324.556.954
Chi phí cho vụ kiện Công ty TNHH Dược phẩm 3A	920.333.805	-
Chi phí khác	222.461.040	-
	1.295.100.284	324.556.954

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.272.585.570	27.649.158.971
Các khoản điều chỉnh tăng	152.577.123	933.734.318
- Chi phí không hợp lệ	152.305.439	933.734.318
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	271.684	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(68.607.731)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(66.666.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(1.941.731)
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.425.162.693	28.514.285.558
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	285.032.539	5.702.857.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.060.886.328	2.160.326.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.060.886.328)	(4.802.297.657)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	285.032.539	3.060.886.328

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	987.553.031	21.946.301.859
Các khoản điều chỉnh:	-	(2.194.630.186)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(2.194.630.186)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	987.553.031	19.751.671.673
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.052.615	15.052.615
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	66	1.312

Công ty chưa dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế năm 2019 tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	152.476.134.587	177.816.558.196
Chi phí nhân công	44.600.418.678	42.776.197.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.281.771.242	20.933.682.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.415.275.622	7.701.896.178
Chi phí khác bằng tiền	41.738.579.425	41.455.191.216
	<u>259.512.179.554</u>	<u>290.683.524.978</u>

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.691.062.213	-	15.408.400.674	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.248.951.389	-	63.250.102.773	(987.343.943)
Các khoản cho vay	43.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	1.972.000.000	(445.348.600)	1.972.000.000	(485.348.200)
	<u>152.912.013.602</u>	<u>(445.348.600)</u>	<u>80.630.503.447</u>	<u>(1.472.692.143)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	51.383.673.504	24.120.446.701
Phải trả người bán, phải trả khác	41.931.079.669	20.819.667.134
Chi phí phải trả	2.002.599.826	1.108.597.440
	<u>95.317.352.999</u>	<u>46.048.711.275</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư dài hạn	-	1.526.651.400	-	1.526.651.400
	<u>-</u>	<u>1.526.651.400</u>	<u>-</u>	<u>1.526.651.400</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư dài hạn	-	1.486.651.800	-	1.486.651.800
	<u>-</u>	<u>1.486.651.800</u>	<u>-</u>	<u>1.486.651.800</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.691.062.213	-	-	44.691.062.213
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.233.701.389	15.250.000	-	63.248.951.389
Các khoản cho vay	43.000.000.000	-	-	43.000.000.000
	<u>150.924.763.602</u>	<u>15.250.000</u>	<u>-</u>	<u>150.940.013.602</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.408.400.674	-	-	15.408.400.674
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.252.758.830	10.000.000	-	62.262.758.830
	<u>77.661.159.504</u>	<u>10.000.000</u>	<u>-</u>	<u>77.671.159.504</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	51.383.673.504	-	-	51.383.673.504
Phải trả người bán, phải trả khác	41.931.079.669	-	-	41.931.079.669
Chi phí phải trả	2.002.599.826	-	-	2.002.599.826
	<u>95.317.352.999</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>95.317.352.999</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	24.120.446.701	-	-	24.120.446.701
Phải trả người bán, phải trả khác	20.819.667.134	-	-	20.819.667.134
Chi phí phải trả	1.108.597.440	-	-	1.108.597.440
	<u>46.048.711.275</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>46.048.711.275</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty cho Công ty TNHH Dược phẩm 3A thuê kho hàng, nhà xưởng tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đến hết thời hạn thuê, bên đi thuê vẫn chưa hoàn trả lại kho hàng, nhà xưởng và thanh toán tiền thuê từ 01/01/2014 đến nay. Ngày 10/03/2014, Công ty đã khởi kiện bên đi thuê tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú.

Sau thời gian hòa giải không đi đến được thống nhất chung, ngày 15/02/2017 Tòa án Nhân dân quận Tân Phú chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý.

Theo nội dung bản án số 1591/2017/KDTM-ST ngày 30/11/2017, kết luận của bản án sơ thẩm yêu cầu Công ty TNHH Dược phẩm 3A phải trả tiền thuê nhà xưởng cho Công ty số tiền 21.043.128.623 đồng (tính đến tháng 11/2017) và tiếp tục phải trả tiền thuê cho đến khi giao trả toàn bộ mặt bằng nhà xưởng cho Công ty. Công ty TNHH Dược phẩm 3A tiếp tục kháng cáo đối với kết quả của bản án sơ thẩm này.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Ngày 08/04/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm và tuyên án một số nội dung chính sau: Buộc Công ty TNHH Dược phẩm 3A có trách nhiệm giao trả toàn bộ mặt bằng nhà xưởng; Công ty TNHH Dược phẩm 3A phải trả tiền thuê nhà xưởng là 17.223.634.000 đồng (tạm tính đến 30/11/2017). Ngày 29/07/2019, do nhận được đơn của Công ty TNHH Dược phẩm 3A đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm nên Tòa án nhân dân tối cao đã có văn bản hoãn thi hành án. Tuy nhiên đến ngày 31/10/2019, Cục thi hành án đã có Quyết định 16/QĐ-CCTHADS về việc tiếp tục thi hành án, thủ tục giám đốc thẩm sẽ không được thực hiện. Số tiền thi hành án đã thu hồi được là 11.174.181.650 đồng.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.157.141.028	1.148.655.412
Thu nhập của thành viên khác của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	780.000.000	1.033.500.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán.

Võ Ngọc Huỳnh Thư
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020